

Từ chủ trương đến giải pháp bình định cấp tốc của Mỹ và chính quyền Sài Gòn (01/11/1968-31/01/1969)

Vũ Thị Miên*

Tóm tắt: Cuối năm 1968, đầu năm 1969, Mỹ và chính quyền Sài Gòn âm mưu mở rộng quyền kiểm soát lãnh thổ và dân chúng miền Nam Việt Nam. Thực hiện chủ trương, Mỹ và chính quyền Sài Gòn xây dựng “Kế hoạch bình định cấp tốc” tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, như: sắp xếp quản lý, điều hành, tổ chức lực lượng, cách thức đánh giá, v.v.. Bài viết tập trung xem xét âm mưu, thủ đoạn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong thời điểm chuyển giao chiến lược từ can dự trực tiếp sang từng bước xuống thang và rút quân; phân tích làm rõ quá trình tổ chức thực hiện và kết quả của “Kế hoạch bình định cấp tốc”.

Từ khóa: bình định miền Nam Việt Nam; bình định cấp tốc; Mỹ; chính quyền Sài Gòn.

Ngày nhận: 11/3/2025; ngày chỉnh sửa: 02/10/2025; ngày chấp nhận đăng: 28/02/2026

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2026.12.1.3>

1. Đặt vấn đề

Kế hoạch tấn công bình định đặc biệt là tên gọi chính thức, được chính quyền Sài Gòn ban hành ngày 19/10/1968, trong khi đó phía Mỹ gọi là “Accelerated Pacification Campaign - APC”, được nhiều học giả, nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam dịch thành “Kế hoạch bình định cấp tốc”. “Kế hoạch bình định cấp tốc” chỉ diễn ra trong thời gian 3 tháng (01/11/1968 - 31/01/1969) nhưng kết quả lại được Mỹ và chính quyền Sài Gòn đánh giá là một thành công nổi bật của chương trình bình định miền Nam Việt Nam nói chung, chương trình bình định trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” nói riêng.

“Kế hoạch bình định cấp tốc” đáp ứng mục tiêu của Mỹ trong việc áp đặt quyền điều khiển lên đội ngũ lãnh đạo chính quyền Sài Gòn, buộc phải từ bỏ chính sách cứng cố, thay thế bằng chính sách mở rộng bành trướng; tập hợp lực lượng, phương tiện của chính quyền, quân đội Sài Gòn trong chuỗi quản lý thống nhất; nâng cao vị trí, vai trò của bình định trong giải pháp quân sự - chính trị hỗn hợp hòng giành kết quả trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Thông tin về “Kế hoạch bình định cấp tốc” được phản ánh trong một số công trình nghiên cứu bằng tiếng Anh, như: *No Exit from Vietnam* (Không lối thoát ở Việt Nam) (Thompson 1969) đề cập chương trình bình định cấp tốc trong bối cảnh chuyển giao chiến lược của Mỹ từ chiến lược “Chiến tranh cục bộ” sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”; *The American experience*

* Viện Chiến lược và Lịch sử quốc phòng Việt Nam;
email: mienvu0108@gmail

with pacification in Vietnam (Kinh nghiệm của Mỹ trong chương trình bình định ở Việt Nam) (Cooper 1972) trình bày sơ lược diễn biến của “Kế hoạch bình định cấp tốc”; *Pacification - The American struggle for Vietnam's hearts and minds* (Bình định - Cuộc chiến giành trái tim và khối óc Việt Nam của Mỹ) (Hunt 1995) phân tích nội dung, biện pháp bình định cấp tốc gắn với hiệu quả của Cơ quan hỗ trợ phát triển cách mạng và các hoạt động dân sự (Civil Operations and Revolutionary Development Support-CORDS); *CIA and rural pacification in south Vietnam* (CIA và chương trình bình định nông thôn miền Nam Việt Nam) (Ahern 2001) đánh giá vai trò của Cục tình báo Trung ương Mỹ (Central Intelligence Agency - CIA) trong “Kế hoạch bình định cấp tốc”; *The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam 1960-1968, Part 3* (Cosmas 2009) xem xét vai trò hỗ trợ của Bộ Tham mưu liên quân đối với MACV trong thời gian diễn ra “Kế hoạch bình định cấp tốc”, v.v. Các nghiên cứu bằng tiếng Việt, tiêu biểu: *Miền Nam giữ vững thành đồng, Tập V* (Trần Văn Giàu 1978) miêu tả âm mưu bình định cấp tốc của Mỹ và chính quyền Sài Gòn nhằm giành lại quyền kiểm soát “trọng trung” ở miền Nam; *Lịch sử Nam bộ kháng chiến, Tập II: 1954-1975* (Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam bộ kháng chiến 2011) trình bày “Kế hoạch bình định cấp tốc” trong bối cảnh cách mạng miền Nam cuối năm 1968; *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), Tập V: Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968* (Bộ Quốc phòng 2013) khái quát “Kế hoạch bình định cấp tốc” khi nghiên cứu về hoạt động của đối phương trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu thân 1968; *Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), Tập III: 1965-1968* (Bộ Quốc phòng 2019) xem xét bình định cấp tốc là

một biện pháp ứng phó của Mỹ và chính quyền Sài Gòn cuối năm 1968, v.v.

Trên cơ sở tiếp thu các kết quả nghiên cứu, bài viết xem xét “Kế hoạch bình định cấp tốc” là một giải pháp của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong thời điểm chuyển giao chiến lược từ trực tiếp can thiệp bằng lực lượng chiến đấu Mỹ sang từng bước rút quân, đẩy trách nhiệm lên vai quân đội Sài Gòn; tập trung trình bày quá trình Mỹ và chính quyền Sài Gòn xây dựng, tổ chức thực hiện nỗ lực bình định cấp tốc. Lựa chọn nghiên cứu “Kế hoạch bình định cấp tốc” cho phép tìm hiểu cụ thể một âm mưu, thủ đoạn điển hình của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong chương trình bình định miền Nam Việt Nam. Tác giả sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic, kết hợp phân tích, thống kê, tổng hợp, v.v. mong muốn phục dựng chi tiết hoạt động bình định, chỉ rõ bản chất của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong bối cảnh lịch sử phức tạp những năm 1968-1969. Nghiên cứu này cố gắng khai thác và sử dụng triệt để các nguồn tư liệu, đặc biệt tài liệu lưu trữ và tài liệu bằng tiếng Anh nhằm tiếp cận thực tế khách quan chương trình bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung nhận thức về chương trình bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam; phản ánh mức độ tập trung nguồn lực, vai trò chỉ đạo của Mỹ, sự lệ thuộc của chính quyền, quân đội Sài Gòn.

2. Chủ trương

2.1. Sự hình thành

Sau gần ba năm trực tiếp đưa lực lượng chiến đấu vào miền Nam Việt Nam, chính quyền Mỹ dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Lyndon B. Johnson chẳng những không giành được thắng lợi có tính chất bước ngoặt mà còn lún sâu vào tình thế khó khăn. Quân đội Mỹ và quân đội Sài Gòn liên tiếp thua

trận trong hai cuộc phản công mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, trong khi đó, chương trình bình định vẫn lúng túng, rời rạc, thiếu thống nhất, dự báo Mỹ và chính quyền Sài Gòn sẽ còn gặp nhiều khó khăn hơn trong năm 1968 - năm bầu cử Tổng thống Mỹ. Trong bối cảnh đó, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 của quân và dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, làm lộ rõ sự yếu kém có hệ thống trên mọi phương diện chiến tranh của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Trên đà thắng lợi, tháng 4/1968, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chỉ đạo thành lập Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam; củng cố và mở rộng Ủy ban Giải phóng các cấp, đẩy mạnh tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, v.v..

Trước tình hình đó, Mỹ và chính quyền Sài Gòn chủ trương đảo ngược “chiều hướng của chiến tranh trong thời gian từ giờ [giữa năm 1968] đến cuối tháng Giêng năm sau [đầu năm 1969], đúng vào dịp kỷ niệm Tổng tiến công Tết 1968” (Colby 2007: 310). Để đạt được mục tiêu, Mỹ và chính quyền Sài Gòn xác định “cần phải có một phản chiến lược thích hợp, tức là cần phải kiên quyết mở rộng sự có mặt của chính phủ bằng hành động chính trị và an ninh” (Colby 2007: 309). Theo đó, phái bộ Mỹ đề nghị chính quyền, quân đội Sài Gòn củng cố và mở rộng hoạt động kiểm soát ở các vùng nông thôn, coi đó là một phương án tối ưu để “tiếp tục cuộc chiến tranh càng nhanh càng tốt” (Herring 1998: 247).

Cụ thể hóa ý đồ của phái bộ Mỹ, Robert W. Komer, Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh viện trợ quân sự Mỹ ở Việt Nam (Military Assistance Command, Vietnam - MACV), trực tiếp lãnh đạoCORDS, đề xuất kế hoạch bình định 1.500 ấp trong vòng 3 tháng, từ giữa tháng 10/1968 đến cuối tháng 01/1969

(RAND 1970: 86). Kế hoạch của Robert W. Komer nhận được sự ủng hộ của Creighton W. Abrams Jr, Tư lệnh MACV và Ellsworth F. Bunker, Đại sứ Mỹ tại miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống chính quyền Sài Gòn đã không đồng ý đề nghị của phái bộ Mỹ, với lý do rằng quân đội Sài Gòn chưa đủ lực lượng, vũ khí để thực hiện cả chương trình bình định thường xuyên lẫn đột xuất (Hunt 1995: 156). Thái độ của Nguyễn Văn Thiệu buộc Robert W. Komer phải hạ thấp mục tiêu, chuyển 1,000 ấp theo xếp hạng của Hệ thống đánh giá áp (Hamlet Evaluation System - HES) là D, E thành các ấp thuộc loại A, B, C¹ (RAND 1970: 88); đồng thời vận động sự ủng hộ của đội ngũ lãnh đạo quân đội Sài Gòn (Hunt 1995: 157). Trước động thái của Mỹ và ý kiến của lực lượng quân đội, Nguyễn Văn Thiệu hiểu rằng “muốn tranh thủ được cảm tình của họ [chính quyền Mỹ - Tác giả] thì không phải là khôn ngoan khi thẳng thừng thách thức họ như kiêu Diêm và Nhu đã làm, mà tốt hơn là tiếp thu ý kiến của họ dù sau đó có phải áp dụng nó vào thực tế” (Colby 2007: 312). Ngày 10/10/1968, Nguyễn Văn Thiệu đồng ý tiếp cận chủ trương bình định của Mỹ, chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn và Hội đồng

¹ Ấp A: Hoàn toàn thuộc kiểm soát của chính quyền, quân đội Sài Gòn.

Ấp B: Thuộc kiểm soát của chính quyền Sài Gòn, nhưng thỉnh thoảng vẫn bị lực lượng vũ trang Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tấn công bất ngờ.

Ấp C: Chính quyền Sài Gòn thường xuyên tổ chức hoạt động kiểm soát dân chúng, tìm kiếm cơ sở hạ tầng của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam.

Ấp D: Chính quyền Sài Gòn bước đầu tổ chức được ban trị sự ấp, tiến hành tìm kiếm cơ sở hạ tầng của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam.

Ấp E: Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam chiếm ưu thế, tổ chức các hoạt động chính trị và kinh tế; hoạt động của chính quyền, quân đội Sài Gòn chỉ mang tính hình thức.

Ấp VC: Hoàn toàn thuộc quyền kiểm soát của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ấp N: Ấp bị bỏ hoang, không có dân cư nhưng tên ấp vẫn có trong danh sách của chính quyền Sài Gòn hoặc chưa được đánh giá.

Xây dựng nông thôn trung ương xem xét xây dựng kế hoạch bình định tại những vùng tranh chấp (Hunt 1995: 157).

Thực hiện chỉ đạo của Nguyễn Văn Thiệu, ngày 18/10/1968, Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn đề xuất Kế hoạch bình định Lê Lợi (Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển, 1968, hồ sơ 23: 1-4), trình bày những nét chính về mục đích, nhiệm vụ của quân đội Sài Gòn, làm cơ sở cho các vùng chiến thuật xây dựng kế hoạch thực hiện cũng như các bộ có liên quan thiết lập phạm vi nội dung phối hợp. Dựa vào Kế hoạch bình định Lê Lợi, ngày 19/10/1968, Trần Văn Hương, Chủ tịch Hội đồng xây dựng nông thôn trung ương, ban hành Huấn thị số 4306/XDNT/51, khái quát chủ trương bình định cấp tốc của chính quyền Sài Gòn; xác định mục tiêu; tổ chức sử dụng lực lượng thực hiện và nhiệm vụ của từng bộ, ngành và địa phương. Mục đích nhằm “bành trướng sự kiểm soát”, thiết lập chính quyền xã/ ấp tại những vùng tranh chấp; loại bỏ ảnh hưởng của Ủy ban Giải phóng các cấp, thu hẹp hoạt động của lực lượng vũ trang Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam; cô lập lực lượng cách mạng khỏi nhân dân miền Nam; tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành kế hoạch bình định và xây dựng năm 1969 (Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển, 1968, hồ sơ 18). Ngày 28/10/1968, Nguyễn Văn Thiệu phát động “Kế hoạch bình định cấp tốc” với sự “ưu tiên đặc biệt”.

2.2. Mục tiêu cụ thể

“Kế hoạch bình định cấp tốc” bao gồm 6 mục tiêu:

- (i) Tiêu diệt hoặc đẩy lui lực lượng cách mạng Việt Nam khỏi vùng đông dân cư;
- (ii) Bình định 1.000 ấp loại D, E thành ấp loại C;
- (iii) Gia tăng hoạt động của lực lượng Phụng hoàng, bắt 3.000 cán bộ cách mạng/tháng;

(iv) Mở rộng chương trình chiêu hồi với 5.000 hồi chánh viên;

(v) Bành trướng tổ chức nhân dân tự vệ, bắt được 1.000.000 người, trong đó có 200.000 người được vũ trang;

(vi) Tăng cường hoạt động tuyên truyền (Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển, 1968, hồ sơ 18: 2).

Cụ thể hóa nhiệm vụ đối với từng lực lượng, ngày 26/10/1968, Trần Văn Hương ban hành Huấn thị số 1139/ThT/VP/M hướng dẫn các bộ về việc thực hiện kế hoạch, yêu cầu các bộ xây dựng kế hoạch, mục tiêu phù hợp (Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975), 1968, hồ sơ 18: 1). Ngày 26/10/1968, Bộ Thông tin ban hành Thông tư số 258-BTT/NCKH về Kế hoạch tấn công bình định Lê Lợi, phổ biến 2 kế hoạch: Kế hoạch tâm lý chiến yểm trợ chiến dịch đặc biệt chống hạ tầng cơ sở Việt cộng và Kế hoạch phát động chiến dịch Quyết chiến thắng. Ngày 28/10/1968, Bộ Xây dựng nông thôn ban hành Sự vụ văn thư số 4459-XD/32/SVVT, dự trù số dự án tự túc cùng kinh phí lập ấp. Ngày 29/10/1968, Bộ Nội vụ gửi công điện số 1132-BNV/HCĐP/26/M, hướng dẫn các địa phương xây dựng chính quyền xã/ ấp thuộc diện bình định. Cũng trong ngày 29/10/1968, Bộ Nội vụ ban hành kế hoạch bổ túc Chiến dịch Phụng hoàng hỗ trợ bình định cấp tốc. Ngày 30/10/1968, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 2503-BNV/NDTV/M về Kế hoạch phát triển nhân dân tự vệ, v.v..

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Tăng cường quản lý

Trước năm 1968, dưới sự dẫn dắt của Mỹ, chính quyền Sài Gòn đã trải qua nhiều lần tái cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành chương trình bình định, gần nhất là Hội đồng Xây dựng nông thôn trung ương (20/11/1967); song các tổ chức đó chỉ mang

tính hình thức, rời rạc, lỏng lẻo, thiếu hệ thống, hạn chế về nguồn lực và “giao phó gần như hoàn toàn cho cơ quan tham mưu là Ban Thường vụ Hội đồng Xây dựng nông thôn trung ương tức Bộ Xây dựng nông thôn” (Phòng Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa, 1968, hồ sơ 57: 45). Nhìn nhận về thất bại của chương trình bình định, chính quyền Sài Gòn khẳng định, một trong những nguyên nhân là “chưa kết hợp được nỗ lực của toàn thể các bộ, cơ quan liên hệ trong chính quyền để cùng chung sức thực hiện chương trình” (Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975), 1968, hồ sơ 552a: 29). Thực tế đó trở thành thách thức đối với chính quyền, quân đội Sài Gòn khi thực hiện “Kế hoạch bình định cấp tốc”, kéo theo yêu cầu sắp xếp cơ quan chỉ đạo quản lý và vận hành chương trình bình định trở nên cấp bách.

Tận dụng cơ hội, phái bộ Mỹ ở Sài Gòn cố gắng dồn chính quyền Sài Gòn thiết lập chuỗi quản lý thống nhất từ trung ương đến cấp quận, huyện. Dưới sức ép của Mỹ, Nguyễn Văn Thiệu giao cho Trần Văn Hương chủ trì xây dựng và lãnh đạo tổ chức bình định mới. Ngày 09/11/1968, chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh số 155-SL/BĐXD thành lập Hội đồng Bình định và xây dựng các cấp trung ương và địa phương, thay thế Hội đồng Xây dựng nông thôn các cấp. Nhiệm vụ của Hội đồng Bình định và xây dựng hướng dẫn “sử dụng hữu hiệu tất cả tài nguyên sẵn có và kết hợp nỗ lực của toàn thể các bộ, các cơ quan và quân chính các cấp” (Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975), 1968, hồ sơ 552a: 29). Trong phát biểu khai mạc phiên họp đầu tiên của Hội đồng bình định và xây dựng Trung ương (19/11/1968), Trần Văn Hương khẳng định: Hội đồng Bình định và xây dựng là “một tổ chức đầy đủ uy quyền” có vai trò to lớn trong điều hành hoạt động bình định cấp tốc và các chương trình, kế hoạch bình định thường xuyên (Phòng Phủ

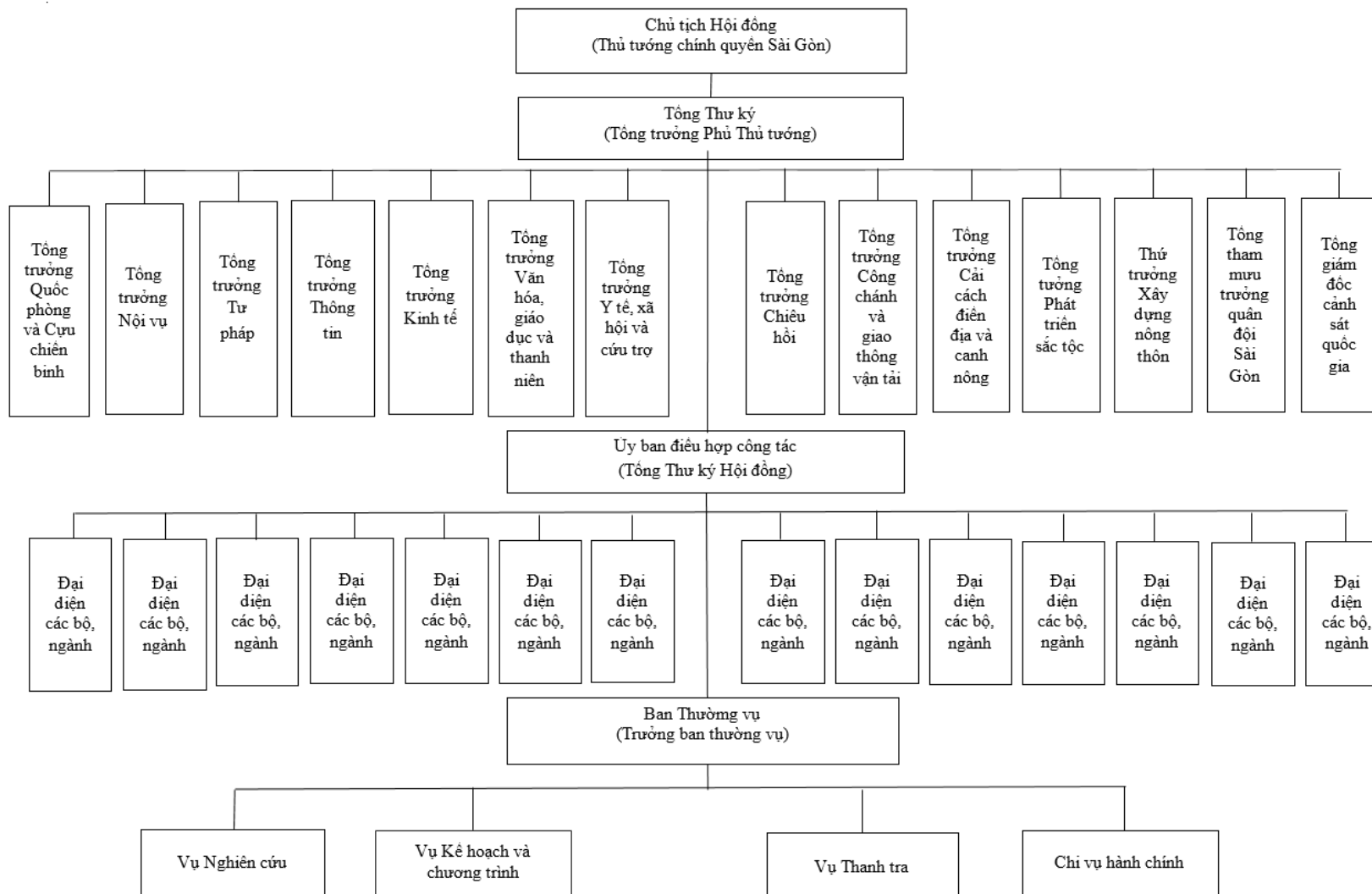
Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975), 1968, hồ sơ 552a: 29). Về cơ cấu, Hội đồng Bình định và xây dựng cấp trung ương, gồm 3 bộ phận (Công báo Việt Nam Cộng hòa 1968, số 102: 6717-6718):

Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương, gồm: các Tổng trưởng, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn, Tổng Giám đốc Cảnh sát quốc gia và Thứ trưởng Xây dựng nông thôn, do Thủ tướng chính quyền Sài Gòn làm Chủ tịch. Hội đồng trung ương có nhiệm vụ chỉ đạo tổng thể hướng dẫn xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch, chương trình bình định. Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng trung ương là Tổng thư ký, do Tổng trưởng Phủ thủ tướng kiêm nhiệm. Hội đồng trung ương họp một lần/tháng và họp bất thường khi cần.

Ủy ban Điều hợp công tác chịu trách nhiệm xây dựng phương thức thi hành các quyết nghị Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương, tổ chức phối hợp hoạt động giữa các bộ. Thành phần Ủy ban Điều hợp công tác, gồm: Phụ tá Tổng trưởng, Đồng lý văn phòng, Tổng thư ký, Tổng giám đốc các bộ thuộc thành phần Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương. Chủ tịch Ủy ban Điều hợp công tác do Tổng thư ký Hội đồng kiêm nhiệm. Ủy ban Điều hợp công tác có các tiểu ban, như an ninh, kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội, v.v. họp định kỳ mỗi tuần. Cơ cấu của mỗi tiểu ban phụ thuộc vào mức độ chuyên môn có liên quan.

Cơ quan giúp việc cho Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương và Ủy ban Điều hợp công tác là Ban Thường vụ, có nhiệm vụ: theo dõi, đôn đốc việc chấp hành các quyết định của Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương; nghiên cứu, đề xuất các biện pháp bổ sung cần thiết; tiếp nhận và giải quyết đề nghị của địa phương; tổng hợp, báo cáo kết quả xây dựng nông thôn. Ban Thường vụ gồm bốn bộ phận: Kế hoạch, nghiên cứu, thanh tra và hành chính.

Sơ đồ 1: Hội đồng Bình định và xây dựng nông thôn trung ương (Sắc lệnh 155-SL/BĐXD, ngày 09/11/1968)



Đối với cấp cơ sở, Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương, chỉ đạo các vùng chiến thuật tổ chức Hội đồng Bình định và xây dựng các cấp đến tận cấp quận. Cụ thể hóa chủ trương, ngày 2 tháng 12 năm 1968, chính quyền Sài Gòn ban hành Nghị định số 1245-NĐ/BĐXD ấn định thành phần và nhiệm vụ của hội đồng các cấp địa phương. Đây là điểm mới so với các tổ chức trước đây. Theo đó, Hội đồng Bình định và xây dựng địa phương được tổ chức, như sau (Công báo Việt Nam Cộng hòa 1968, số 105: 6985-6987):

Hội đồng Bình định và xây dựng cấp vùng chiến thuật, gồm các thành viên: Giám đốc Nha Cảnh sát quốc gia vùng, đại diện các bộ tại vùng như: Thông tin, Kinh tế, Giáo dục và Thanh niên, Chiêu hồi, Công chánh và Giao thông vận tải, Phát triển sắc tộc, Y tế, xã hội và cứu trợ, do Tư lệnh vùng làm Chủ tịch. Tổng Thư ký là một sĩ quan cao cấp do Tư lệnh vùng chỉ định. Nhiệm vụ của Hội đồng Bình định và xây dựng cấp vùng, gồm: Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương; duyệt xét kế hoạch bình định và xây dựng vùng; phân bổ nguồn lực cho các tỉnh; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình của các tỉnh; báo cáo kết quả thực hiện. Giúp việc cho Hội đồng Bình định và xây dựng cấp vùng là Ban Thường vụ, do Tổng Thư ký làm Trưởng ban.

Hội đồng Bình định và xây dựng cấp tỉnh (thị xã) gồm: Tỉnh trưởng (thị trưởng), Phó tỉnh trưởng (Phó thị trưởng), Chỉ huy trưởng nhân dân tự vệ, các ty, sở trưởng, do Tỉnh trưởng làm Chủ tịch, Tổng Thư ký là một sĩ quan hoặc viên chức do tỉnh trưởng (thị trưởng) chỉ định. Về nhiệm vụ, Hội đồng Bình định và xây dựng cấp tỉnh và thị xã có trách nhiệm: Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bình định và xây dựng tại địa phương; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện. Giúp việc Hội đồng Bình

định và xây dựng cấp tỉnh (thị xã) là Ban Thường vụ.

Hội đồng Bình định và xây dựng Biệt khu Thủ đô gồm: Tổng trấn Sài Gòn - Gia Định, Phó đô trưởng Sài Gòn, Phó tỉnh trưởng Gia Định, Giám đốc Nha Cảnh sát quốc gia Đô thành, Trưởng ty quốc gia Gia Định, Chỉ huy trưởng nhân dân tự vệ Đô thành, Chỉ huy trưởng nhân dân tự vệ Gia Định, Các ty sở trưởng thuộc Đô thành và tỉnh Gia Định, do Tổng trấn Sài Gòn - Gia Định làm Chủ tịch, Tổng thư ký là một sĩ quan hoặc viên chức cao cấp do Tổng trấn chỉ định. Hội đồng Bình định và xây dựng Biệt khu Thủ đô có trách nhiệm: Nghiên cứu xây dựng chương trình bình định của Đô thành Sài Gòn và tỉnh Gia Định; tổ chức, đôn đốc thực hiện các chương trình, kế hoạch của Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương; kiểm tra, báo cáo định kỳ. Giúp việc Hội đồng Bình định và xây dựng Biệt khu Thủ đô là Ban Thường vụ.

Hội đồng Bình định và xây dựng cấp quận, gồm: Quận trưởng, Phó quận trưởng, Chỉ huy trưởng nhân dân tự vệ, các trưởng chi tại quận, v.v. do Quận trưởng làm Chủ tịch. Hội đồng Bình định và xây dựng cấp quận có nhiệm vụ: Tham gia vào việc xây dựng kế hoạch bình định cấp tỉnh; thực hiện chương trình bình định tại xã/ấp; báo cáo kết quả thực hiện. Riêng cấp quận không có Ban Thường vụ.

Để thuận lợi cho công tác tổ chức, Hội đồng Bình định và xây dựng cấp vùng được phép xây dựng lộ trình riêng. Đối với từng tỉnh, Hội đồng Bình định và xây dựng cấp tỉnh chủ động lập danh sách ấp, dự trữ sử dụng lực lượng, ý định thành lập đội nhân dân tự vệ, ủy ban hành chính xã/ấp, và các kế hoạch phối hợp riêng biệt. Kế hoạch chi tiết của tỉnh phải gửi về vùng chiến thuật để tổng hợp và Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương để biết. Ngoài ra, chính quyền Sài Gòn còn cho phép các tỉnh “vừa

làm, vừa hoàn thiện” để bảo đảm tiến độ thực hiện.

Đồng thời với sắp xếp tổ chức Hội đồng Bình định và xây dựng các cấp, Mỹ chỉ đạo chính quyền Sài Gòn tăng cường công tác quản lý, phối hợp của các bộ. Theo đó, Bộ Quốc phòng và Cựu chiến binh, trực tiếp là Bộ Tổng tham mưu có nhiệm vụ bảo đảm an ninh lãnh thổ cũng như bố trí lực lượng yểm trợ cho các hoạt động tiếp theo của kế hoạch; Bộ Nội vụ phụ trách hoạt động Phụng hoàng, tổ chức lực lượng nhân dân tự vệ, thiết lập chính quyền xã/ấp; Bộ Xây dựng nông thôn dự trù các dự án tự túc; Bộ Y tế, xã hội và cứu trợ tiến hành các hoạt động y tế, xã hội và cứu trợ phụ trợ tranh thủ nhân tâm; Bộ Chiêu hồi đẩy mạnh chiêu hồi; Bộ Thông tin phụ trách tuyên truyền, khuếch trương lực lượng, kết quả; các bộ khác hoạt động theo nhiệm vụ chuyên môn có liên quan, v.v., trong đó, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn được giao nhiệm vụ trung tâm phối hợp, hiệp đồng. Ngân sách của kế hoạch bình định tấn công đặc biệt sẽ do các bộ dự trù. Riêng các dự án tự túc được lấy từ ngân sách của Bộ Xây dựng nông thôn. Sự phân chia này ràng buộc các bộ vào trách nhiệm chung cũng như tổ chức hợp lý lực lượng.

Trong thời gian diễn ra Kế hoạch, Hội đồng bình định và xây dựng trung ương quản lý, điều hành tương đối quy củ. Tuy nhiên, ở các cấp địa phương, Hội đồng bình định và xây dựng vẫn chưa phát huy được chức trách, vai trò, thậm chí có những địa phương còn làm suy yếu Kế hoạch, như: không xác định được chức năng, nhiệm vụ của lực lượng địa phương quân, nghĩa quân trong công tác đời sống mới; thiếu sự thống nhất, phối hợp giữa chính quyền các cấp cũng như trong cùng cấp, dẫn đến triển khai hoạt động không đồng bộ, thậm chí xung đột nhau, tranh chấp, v.v. (Hunt 1995: 158). Bởi vậy, cách sắp xếp này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, buộc chính quyền

Sài Gòn phải xoay sở điều chỉnh cơ quan, tổ chức chỉ đạo ngay sau đó.

3.2. *Bố trí lực lượng*

Giữ vai trò chủ chốt trong “Kế hoạch bình định cấp tốc”, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn được giao trách nhiệm tổ chức chiến dịch quân sự tràn ngập lãnh thổ để tiêu diệt và đẩy lui lực lượng cách mạng khỏi vùng đông dân cư; giữ vai trò chính trong xây dựng ấp; bổ túc và yểm trợ an ninh cho các kế hoạch khác. Thực hiện chỉ đạo, ngày 28/10/1968, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn ban hành Sự vụ Văn thư số 7377-TTM/P3/BĐ về việc thi hành kế hoạch bình định “Lê Lợi”, nêu nhiệm vụ cụ thể của quân đội Sài Gòn: bảo đảm an ninh ở những khu vực đã kiểm soát; tái lập an ninh tại những ấp đã lựa chọn; tham gia thành lập chính quyền xã ấp; tổ chức, huấn luyện và vũ trang nhân dân tự vệ; tìm kiếm, phát hiện lực lượng nằm vùng. Đặc biệt, thay thế các đoàn cán bộ xây dựng nông thôn đảm trách nhiệm vụ phát triển các dự án tự túc hoặc được tham gia Ban trị sự xã/ấp (Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển, hồ sơ 18). Đây là điểm khác biệt so với các chương trình xây dựng nông thôn thường xuyên.

Căn cứ vào nhiệm vụ, Bộ Tổng Tham mưu quân đội Sài Gòn bố trí lực lượng địa phương quân hoạt động trên địa bàn xã; sử dụng các đơn vị nghĩa quân được huấn luyện đặc biệt về xây dựng nông thôn trong các ấp; tiếp tục giao cho chủ lực quân tổ chức các cuộc hành quân cơ động, song, tùy theo tình hình an ninh địa phương, Tư lệnh vùng chiến thuật sẽ quyết định sử dụng lực lượng chủ lực vào “Kế hoạch bình định cấp tốc” (Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển, hồ sơ 18). Theo đó, lực lượng địa phương quân và nghĩa quân giữ vai trò nòng cốt bảo đảm an ninh lãnh thổ và bình định. Thực hiện dự tính này, chính quyền Sài Gòn nhằm ba mục đích: (i) Xây dựng, củng cố lực lượng địa phương quân và nghĩa quân cả về tổ chức và

năng lực để chuẩn bị cho những dự tính dài hạn khi quân đội Sài Gòn phải tự gánh vác trách nhiệm trên chiến trường; (ii) Khắc phục những khó khăn về lực lượng cán bộ xây dựng nông thôn để không ảnh hưởng đến kế hoạch thường xuyên; (iii) Thử nghiệm, nâng cao vai trò của quân đội Sài Gòn trong công tác đời sống mới của chương trình bình định.

Để có thể bố trí ít nhất một trung đội nghĩa quân hoặc địa phương quân/một ấp, MACV chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn bổ sung 39.000 địa phương quân, tương đương 78 đại đội (Military History Branch 1969a: 530); tuyển chọn, huấn luyện cấp tốc 400 trung đội nghĩa quân (Phòng

Hội đồng An ninh và Phát triển, hồ sơ 18). Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, các tiểu khu được phép huy động lực lượng địa phương quân và nghĩa quân từ ba nguồn: triệu tập tất cả các đơn vị đang “thụ huấn bổ túc” từ các trung tâm huấn luyện; điều chuyển một bộ phận lực lượng đang đóng quân ở những khu vực an toàn; trung dụng những đơn vị hiện không làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh cơ sở (Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển, hồ sơ 18). Kết quả, đầu tháng 12/1968, quân đội Sài Gòn đã tập hợp được 147 đại đội, 83 trung đội địa phương quân, cùng 3 tiểu đoàn, 577 trung đội vào “Kế hoạch bình định cấp tốc”.

Bảng 1: Lực lượng địa phương quân và nghĩa quân tham gia “Kế hoạch bình định cấp tốc” (tính đến ngày 05/12/1968)

STT	Vùng chiến thuật	Địa phương quân	Nghĩa quân
1	Vùng I chiến thuật	6 đại đội, 19 trung đội	115 trung đội
2	Vùng II chiến thuật	44 đại đội, 7 trung đội	154 trung đội
3	Vùng III chiến thuật	41 đại đội, 41 trung đội	3 tiểu đoàn, 109 trung đội
4	Vùng IV chiến thuật	56 đại đội, 16 trung đội	198 trung đội
	Tổng	147 đại đội, 83 trung đội	3 tiểu đoàn, 577 trung đội

(Nguồn: Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển, hồ sơ 21)

Quy trình bình định về cơ bản vẫn tuân theo trình tự như chương trình xây dựng nông thôn thường xuyên và được thực hiện như sau: bước 1, điều động địa phương quân, nghĩa quân đến các khu vực có các ấp D, E thiết lập an ninh; bước 2, thực hiện đồng thời các công tác, gồm, tìm kiếm, tiêu diệt cơ sở hoạt động của lực lượng cách mạng, tổ chức nhân dân tự vệ, củng cố tổ chức chính quyền xã/ấp; khởi công một số dự án tự túc. Điểm khác biệt so với các chương trình bình định thường xuyên là lực lượng địa phương quân, nghĩa quân sẽ hoạt động trong ấp cho đến khi hoàn thành Kế

hoạch. Nguyên tắc sử dụng lực lượng là phối hợp chặt chẽ trong và ngoài ấp (Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển, hồ sơ 18). Để tạo điều kiện cho các địa phương thuận lợi trong tổ chức lực lượng, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn cho phép các địa phương được linh hoạt điều phối lực lượng; vùng chiến thuật sẵn sàng tổ chức hành quân giải tỏa ứng cứu khi cần.

Mặc dù nỗ lực phát triển lực lượng địa phương quân và nghĩa quân, song, khả năng chiến đấu còn nhiều yếu kém, khó khăn về vũ khí, trang bị khiến lực lượng này chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, kéo theo các

vùng chiến thuật thường xuyên sử dụng lực lượng chủ lực để thực hiện các cuộc hành quân giải tỏa an ninh. Tính đến ngày 05/12/1968 quân đội Sài Gòn đã sử dụng 4 tiểu đoàn, 4 đại đội và 3 trung đội chủ lực quân đội Sài Gòn vào kế hoạch, trong đó vùng 4 chiến thuật là nơi phải điều động lực lượng chủ lực nhiều hơn cả với 3 tiểu đoàn (Phông Hội đồng An ninh và Phát triển, hồ sơ 21). Ngoài ra, quân đội Mỹ cùng quân đội các nước đồng minh cũng tham gia các hoạt động yểm trợ đặc biệt hoặc yểm trợ gián tiếp: Lực lượng II đã chiến cùng quân đội các nước Australia, New Zealand, Thái Lan thường xuyên tổ chức các cuộc hành quân tảo thanh ở khu vực xung quanh Sài Gòn thuộc Vùng III chiến thuật; Lực lượng I đã chiến phối hợp chặt chẽ với quân đội Hàn Quốc yểm trợ hoạt động bình định trên địa bàn Vùng II chiến thuật; Lực lượng III thùy quân lực chiến tích cực tham gia các hoạt động bình định ở Vùng I chiến thuật.

Tương tự như vậy, theo dự tính ban đầu, chính quyền Sài Gòn không chủ trương sử dụng các đoàn cán bộ xây dựng nông thôn. Tuy nhiên, với những khó khăn về lực lượng, thiếu kiến thức, kỹ năng phát triển đời sống mới, lực lượng địa phương quân và nghĩa quân không đủ khả năng đảm trách nhiệm vụ của các đoàn cán bộ xây dựng nông thôn. Thực tế, chỉ sau một tháng triển khai (tính đến ngày 05/12/1968), chính quyền Sài Gòn buộc phải căng kéo lực lượng để chuyển 77 đoàn cán bộ xây dựng nông thôn, 2 đoàn sơn thôn và các đoàn cán bộ chuyên môn từ chương trình xây dựng nông thôn thường xuyên sang hỗ trợ “Kế hoạch bình định cấp tốc” (Phông Hội đồng An ninh và Phát triển, hồ sơ 21). Điều này chẳng những phản ánh sự bị động của chính quyền, quân đội Sài Gòn trong sử dụng lực lượng mà còn thể hiện sự non yếu, chưa sẵn sàng gánh vác nhiệm vụ bình định của lực lượng địa phương quân và nghĩa quân.

3.3. Hạ thấp tiêu chuẩn đánh giá

Điều chỉnh tiêu chí lựa chọn áp mục tiêu cũng như đánh giá kết quả là một trong những giải pháp để Mỹ và chính quyền Sài Gòn thực hiện “Kế hoạch bình định cấp tốc”. Giữa năm 1967, HES được phái bộ Mỹ sử dụng để đánh giá đo lường và báo cáo tiến độ khôi phục, thiết lập an ninh, mở rộng quyền kiểm soát, cải thiện đời sống và thúc đẩy các chương trình kinh tế, xã hội của người dân miền Nam Việt Nam. HES xếp hạng các áp theo thang điểm từ 1 đến 5, tương ứng với phân loại bằng chữ cái từ E đến A. Trong khi đó, chính quyền Sài Gòn chia toàn bộ số áp toàn miền Nam Việt Nam thành 3 loại: áp do chính quyền Sài Gòn kiểm soát; áp do Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam kiểm soát; áp trong vùng xôi đậu². Trong vùng xôi đậu, chính quyền Sài Gòn tiếp tục chia thành 2 loại: tranh chấp và không xác định (không rõ về dân số). Trước tháng 11/1968, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn thống kê có 3.858 áp thuộc vùng xôi đậu, chiếm tỉ lệ 30% tổng số áp toàn miền Nam, trong đó có 2.631 áp thuộc loại tranh chấp, chiếm tỉ lệ 68,1%; số dân trong vùng xôi đậu là 3.036.000 dân, chiếm tỉ lệ 17,4% (Phông Phủ Tổng thống Đế nhị Cộng hòa, hồ sơ 48: 3).

Triển khai “Kế hoạch bình định cấp tốc”, phái bộ Mỹ định hướng chính quyền Sài Gòn sử dụng HES lựa chọn các áp trong vùng xôi đậu để tiến hành bình định. Theo đó, CORDS hướng dẫn Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương lựa chọn các áp D, E; trường hợp đặc biệt có thể lựa chọn một số áp loại VC. Nguyên tắc ưu tiên các khu vực thuận lợi về giao thông, quan trọng về kinh tế, đông dân cư (trên 500 dân).

² Thuật ngữ “vùng xôi đậu” dùng để chỉ khu vực vừa có hoạt động của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, vừa có hoạt động của chính quyền, quân đội Sài Gòn.

Bảng 2: Số áp mục tiêu (D, E) của “Kế hoạch bình định cấp tốc”

STT	Vùng chiến thuật	Số áp tranh chấp*	Chỉ tiêu phân bổ của Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương*	Chỉ tiêu tổng hợp của BTTM (01/11/1968)*	Chỉ tiêu tổng hợp của Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương (19/11/1968)**
1	Vùng 1 Chiến thuật	496	150	140	140
2	Vùng 2 Chiến thuật	634	300	226	284
3	Vùng 3 Chiến thuật	540	150	259	257
4	Vùng 4 Chiến thuật	961	400	459	435
Tổng		2,631	1,000	1,084	1,116

(Nguồn: * *Phông Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa, 1968, hồ sơ 48: 1*; ** *Phông Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975), 1968, hồ sơ 554: 47*)

Theo đề nghị của các vùng chiến thuật, chỉ tiêu bình định gồm 1.116 áp, tăng 11,6% so với dự trù ban đầu của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Sự khác biệt giữa tổng hợp của Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn và Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương là do các tỉnh điều chỉnh chỉ tiêu sau mỗi lần được Hội đồng bình định và xây dựng cấp vùng duyệt xét. Sau rà soát, Hội đồng Bình định và xây dựng trung ương chỉ chấp nhận 900/1,116 áp đủ tiêu chuẩn thuộc loại D, E (Phông Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975), 1968, hồ sơ 554: 45).

Sau một tháng thực hiện kế hoạch, nhận thấy không đủ khả năng hoàn thành chỉ tiêu đề ra, chính quyền Sài Gòn quyết định không sử dụng bộ tiêu chí HES làm tham chiếu đánh giá kết quả của chương trình bình định. Thay vào đó, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố: Ở miền Nam Việt Nam, chỉ có hai loại áp: (i) “thuộc kiểm soát” của chính quyền Sài Gòn, gồm tất cả các áp được HES xếp loại A, B, C, D, E; (ii) phần còn lại “chưa hoàn toàn thuộc kiểm soát” là áp loại VC của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam (Military History Branch 1969b: VIII-6). Đồng thời, chính quyền Sài Gòn không áp

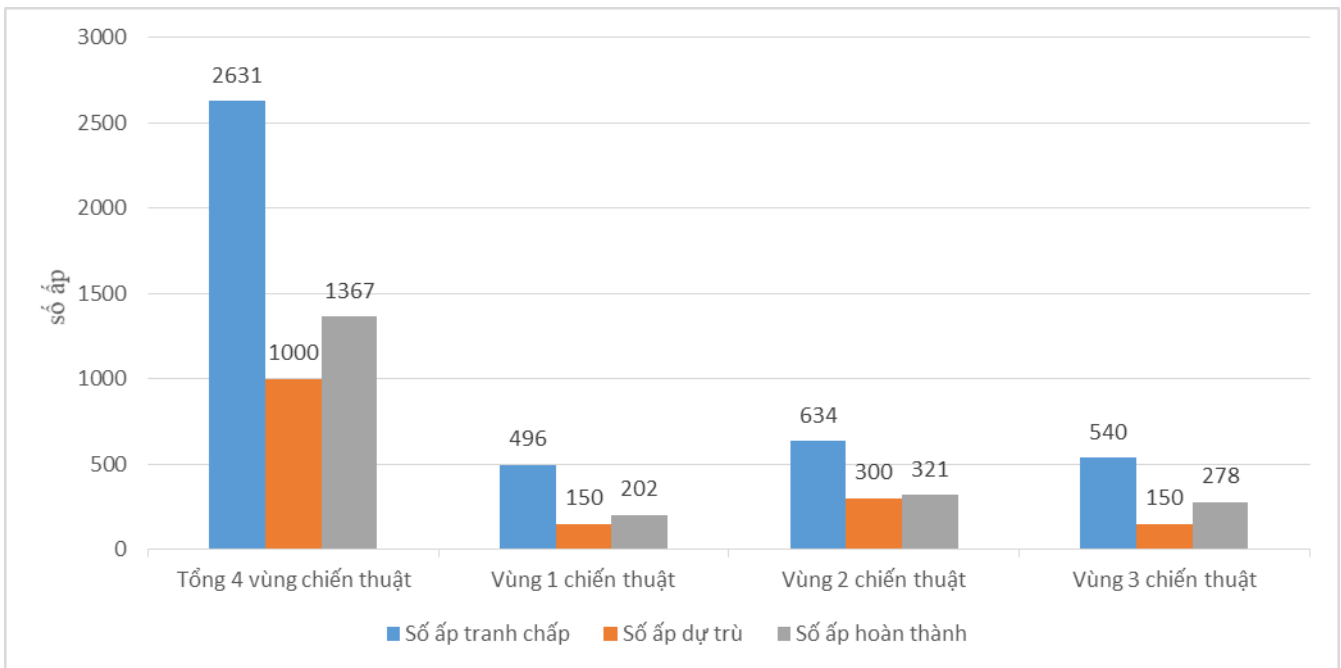
dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá Áp Đòi mới theo chương trình xây dựng nông thôn thường xuyên 1968, gồm 11 mục tiêu, 36 công tác, mà hạ thấp tiêu chuẩn công nhận áp hoàn thành với bốn tiêu chí: tiêu diệt cơ sở cách mạng nằm vùng, tái lập chính quyền xã/ấp; kiểm kê dân số và đoàn ngũ hóa nhân dân; tổ chức nhân dân tự vệ (Phông Hội đồng An ninh và Phát triển, 1968, hồ sơ 23: 1).

Sau ba tháng thực hiện “chớp nhoáng”, chính quyền Sài Gòn tuyên bố đã chuyển đổi được 1,367 áp, vượt chỉ tiêu 36,7%, giải quyết 51,2% tổng số áp tranh chấp. Cụ thể: Vùng I chiến thuật vượt chỉ tiêu là 34,6%, giải quyết 40,7% số áp tranh chấp; Vùng II chiến thuật vượt chỉ tiêu là 7%, giải quyết 50,6% số áp tranh chấp; Vùng III chiến thuật vượt chỉ tiêu là 85,3%, giải quyết 51,2% số áp tranh chấp; Vùng IV chiến thuật vượt chỉ tiêu là 41,5%, giải quyết 58,8% số áp tranh chấp. Cùng với lập áp, tổ chức Phụng hoàng cũng gom được 10.026 người có nghi ngờ liên quan đến hoạt động cách mạng; lực lượng chiêu hồi thu nạp 8.469 hồi chánh viên; cưỡng ép được 1.106.853 nhân dân tự vệ (Phông Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa, hồ sơ 107: 10). Theo

tính toán của HES, tính đến ngày 31 tháng 01 năm 1969, chính quyền Sài Gòn kiểm soát 10.165 ấp, tương đương 78,1% số ấp, cùng 15.378.600 dân, tương đương 88,6% số dân; chưa kiểm soát 2.850 ấp, tương đương 21,9% số ấp, 1.984 dân, tương đương 11,4% số dân (Phông Phủ Tổng thống Đế nhị Cộng hòa, hồ

sơ 107: 10). Dựa vào những báo cáo đó, Ellsworth F. Bunker, Đại sứ Mỹ tại miền Nam Việt Nam tuyên bố, “bất chấp nhiều vấn đề còn nảy sinh, bình định đã trở lại đúng hướng và có triển vọng so với nhiều tháng, nếu không muốn nói là nhiều năm khó khăn” (Sieg 2003: 259).

Biểu đồ 1: Kết quả lập ấp của “Kế hoạch bình định cấp tốc”



(Nguồn: Phông Phủ Tổng thống Đế nhị Cộng hòa 1968, hồ sơ 48: 1; Phông Phủ Tổng thống Đế nhị Cộng hòa, hồ sơ 107: 9)

Về phía quân và dân miền Nam, đã giành nhiều kết quả to lớn sau ba đợt tiến công và nổi dậy, loại khỏi vòng chiến đấu 630.000 quân Mỹ, quân đội Sài Gòn và quân các nước đồng minh; diệt, bức hàng, bức rút 15.000 đồn bốt, chi khu (Bộ Quốc phòng 2013: 349); tiêu diệt và làm tan rã 280/574 đoàn bình định, phá tan 1.472/2.348 ấp chiến lược, phá vỡ 80 khu tập trung dân, giải phóng hoàn toàn 812/2.500 xã, 11.222/16.000 thôn, ấp toàn Miền (Mấy kinh nghiệm xây dựng lực lượng dân quân, du kích miền Nam trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước không rõ năm: 17). Phát huy thành quả, ngày 9/11/1968, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt

Nam quyết định: “Đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, đặc biệt là đấu tranh chính trị ở các đô thị, kịp thời kết hợp hết sức chặt chẽ công kích với khởi nghĩa..., chuẩn bị đợt cao điểm công kích và khởi nghĩa vào mùa Xuân và tiếp đó chuẩn bị đợt cao điểm công kích và khởi nghĩa mùa Hè nhằm giành thắng lợi quyết định” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2004: 513-514). Tuy nhiên, trong bối cảnh Mỹ và chính quyền Sài Gòn tăng cường biện pháp quân sự kết hợp bình định cấp tốc, cuộc đấu tranh của quân và dân miền Nam gặp nhiều khó khăn, thậm chí có thời điểm “cục diện chiến trường đang diễn biến nhiều khó khăn mới mà phía cách mạng chưa lường hết” (Hội

đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam bộ kháng chiến 2011: 672).

4. Kết luận

“Kế hoạch bình định cấp tốc” là sự cụ thể hóa chính sách bình định cùng âm mưu tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ. Với những mục tiêu cụ thể, tập trung trên một số hướng trọng tâm, Mỹ và chính quyền Sài Gòn thể hiện tham vọng kiểm soát lãnh thổ và dân chúng miền Nam, gây thiệt hại cho lực lượng cách mạng để làm lợi thế trong bối cảnh chính trị, quân sự phức tạp vào cuối năm 1968, đầu năm 1969. Quá trình hình thành, tổ chức và thực hiện Kế hoạch phản ánh sự lệ thuộc của chính quyền, quân đội Sài Gòn vào chính quyền Mỹ cả trên phương diện chủ trương lẫn hành động thực tế.

Thực hiện “Kế hoạch bình định cấp tốc”, Mỹ và chính quyền Sài Gòn triển khai đồng bộ nhiều giải pháp: tăng cường tổ chức quản lý và điều hành, bố trí sử dụng lực lượng, hạ thấp tiêu chuẩn đánh giá, v.v. trong đó, hoàn thiện hệ thống tổ chức và sử dụng hợp lý lực lượng là trọng tâm. Tuy nhiên, các giải pháp này chỉ mang tính chất đối phó tạm thời, dẫn đến chính quyền Sài Gòn phải liên tục điều chỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện, như: bổ sung lực lượng chủ lực, các đoàn cán bộ xây dựng nông thôn, thay đổi hệ thống đánh giá, v.v..

Diễn ra trong bối cảnh sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, “Kế hoạch bình định cấp tốc” đã gây ra những khó khăn nhất định cho lực lượng cách mạng và dân chúng miền Nam. Tuy nhiên, những số liệu báo cáo của Mỹ và chính quyền Sài Gòn phần nhiều chỉ nhằm mục đích tuyên truyền, mị dân. Bộ Tham mưu liên quân Mỹ cho rằng: “Chiến dịch bình định tăng tốc còn lâu mới đạt được mục tiêu đề ra, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu mới làm chủ được các mục tiêu phân tán và tản

mát của Cộng sản” (Cosmas 2009: 248). Thực tế, cuối năm 1968, Mỹ và chính quyền Sài Gòn mới chỉ dồn được khoảng 9 triệu dân miền Nam vào 3.300 ấp (Bộ Quốc phòng 2013: 276).

Tài liệu trích dẫn

- Ahern, Thomas L. 2001. *CIA and rural pacification in south Vietnam*. Center for the study of Intelligence.
- Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. 2013. *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, Tập V: Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.
- Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự. 2019. *Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), Tập III: 1965-1968*. Hà Nội: Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
- Cooper, Chester L. 1972. *The American experience with pacification in Vietnam*. Virginia: Institute for Defense Analyses.
- Colby, William. 2007. *Một chiến thắng bị bỏ lỡ*, Người dịch: Nguyễn Huy Cầu. Hà Nội: Nhà xuất bản Công an nhân dân.
- Cosmas, Graham A. 2009. *The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam 1960-1968, Part 3*. Office of Joint History - Office of the Chairman of the Joint Chiefs of Staff Washington. D.C.
- Công báo Việt Nam Cộng hòa. 1968. *Sắc lệnh số 155-SL/BĐXD ngày 9 tháng 11 năm 1968 thiết lập Hội đồng bình định và xây dựng các cấp trung ương và địa phương*. Số 102.
- Công báo Việt Nam Cộng hòa. 1968. *Nghị định số 1245-NĐ/BĐNT ngày 2 tháng 12 năm 1968 ấn định thành phần và nhiệm vụ Hội đồng bình định và xây dựng các cấp tại địa phương*. Số 105.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 2004. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 29. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Herring, George C. 1998. *Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

- Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam bộ kháng chiến. 2011. *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, Tập II: 1954-1975*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Hunt, Richard A. 1995. *Pacification - The American struggle for Vietnam's hearts and minds*, Colorado: Westview Press.
- Mấy kinh nghiệm xây dựng lực lượng dân quân, du kích miền Nam trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước. Phòng Khoa học quân sự Quân khu 9.
- Military History Branch, Office of the Secretary, Joint Staff, Military Assistance Command, Vietnam. 1969a. *Command history 1968*. Vol I. Virginia.
- Military History Branch, Office of the Secretary, Joint Staff, Military Assistance Command, Vietnam. 1969b. *Command history 1969*. Vol II. Washington, D.C.
- Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển. *Kế hoạch tấn công bình định đặc biệt*, hồ sơ 18. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
- Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển. *Huấn thị Kế hoạch tấn công bình định đặc biệt số 4306/XDNT/51 ngày 19 tháng 10 năm 1968 của Thủ tướng chính phủ, chủ tịch Hội đồng bình định và xây dựng Trung ương Kế hoạch tấn công bình định đặc biệt*, hồ sơ 18. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
- Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển. *Phiếu trình Tổng trưởng Phủ thủ tướng về việc đúc kết các kết quả chiến dịch "Tấn công bình định đặc biệt" 4 vùng chiến thuật*, hồ sơ 21, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
- Phòng Hội đồng An ninh và Phát triển. *Sự vụ văn thư số 7264/TTM/P3/BĐ ngày 18 tháng 10 năm 1968 Kế hoạch bình định Lê Lợi*, hồ sơ 23, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
- Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975). *Huấn thị hướng dẫn của các Bộ về việc thực hiện kế hoạch tấn công bình định đặc biệt số 1139/ThT/VP/M ngày 26 tháng 10 năm 1968*, hồ sơ 18, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
- Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975). *Lời tuyên bố của Thủ tướng Chính phủ trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng bình định xây dựng trung ương ngày 19 tháng 11 năm 1968*, hồ sơ 552a, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
- Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975). *Sự tiến triển trong việc thực hiện Kế hoạch tấn công bình định đặc biệt tại Phiên họp của Hội đồng bình định và xây dựng trung ương (19/11/1968)*, hồ sơ 554, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
- Phòng Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa, *Những điểm chính yếu về xây dựng nông thôn nêu trình trong phiên họp Hội đồng nội các ngày 22 tháng 8 năm 1968*, hồ sơ 57, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
- Phòng Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa. *Thuyết trình của Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa Kế hoạch bình định đặc biệt ngày 11/10/1968*, hồ sơ 48, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
- Phòng Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa. *Tiến triển và kết quả bình định xây dựng (từ 1967-4/1969)*, hồ sơ số 107, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
- RAND Corporation. 1970. "Organization and management of the "New model" Pacification program 1966-1969". Truy cập tháng 11 năm 2024. <https://www.rand.org/content/dam/rand/pubs/documents/2006/D20104.pdf>
- Sieg, Kent. 2003. *Foreign Relations of United State, 1964-1968*, Vol.VII (Vietnam: September 1968 - January 1969). Washington: United State Government Printing Office.
- Thomas, C. Thayer. 1985, *War without fronts - The American experience in Vietnam*, Colorado: Westview Press.
- Thompson, Robert Grainger Ker. 1969. *No Exit from Vietnam*. New York: David McKay Company.
- Tran Dinh Tho. 1980. *Pacification*. Washington, D.C.: US. Army center of Military History.
- Trần Văn Giàu. 1978. *Miền Nam giữ vững thành đồng*, Tập V. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.